

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027
(Lần thứ nhất)

STT	SBD	Họ tên học sinh	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ghi chú
5	5,00	NGUYỄN THỊ THU THUY	Nữ	11/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
19	030017	NGÔ NGUYỄN HẢI ÂU	Nữ	15/04/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
42	030042	ĐÀO THỊ KIỀU CHI	Nữ	02/06/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
46	030046	VÕ ĐOÀN KIM CHI	Nữ	09/08/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
50	030050	DƯƠNG MẠNH CƯỜNG	Nam	01/09/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	10A13	
76	030076	NGUYỄN BÙI ÁNH DƯƠNG	Nữ	03/10/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
88	030090	NGUYỄN MỸ TRÀ GIANG	Nữ	24/09/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
89	030091	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	10/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
98	030101	LÊ NGUYỄN THÙY HẢO	Nữ	02/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
107	030111	LÊ BẢO HÂN	Nữ	15/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
138	030152	NGÔ THỊ KIM HUYỀN	Nữ	20/01/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
152	030169	HỒ NGUYỄN ANH HƯƠNG	Nữ	21/02/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
191	030213	LÊ ĐỖ MINH KHOA	Nữ	18/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
251	030276	PHẠM TRẦN TUYẾT MAI	Nữ	16/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
260	030287	HOÀNG HÀ MY	Nữ	06/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
261	030288	HUỲNH THỊ MY	Nữ	11/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
285	030317	LÊ HUỲNH THANH NGÂN	Nữ	08/03/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
287	030319	LÊ THANH NGÂN	Nữ	04/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
296	030328	TRẦN HIẾU NGÂN	Nữ	28/02/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
299	030331	ĐOÀN BẢO NGỌC	Nữ	16/06/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
309	030344	ĐÀM ĐỨC NHÂN	Nam	05/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
328	030369	NGUYỄN BẢO ANH NHƯ	Nữ	03/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
333	030374	PHẠM THỊ ÁI NHƯ	Nữ	04/10/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
334	030375	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	23/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
336	030377	TRẦN THỊ Ý NHƯ	Nữ	06/09/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
338	030379	CÙ THUY LÊ NI	Nữ	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
360	030404	LÊ VY KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	03/04/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
373	030420	LƯƠNG THỊ NGỌC QUÝ	Nữ	07/11/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
391	030438	TRƯƠNG DIỄM QUỲNH	Nữ	24/01/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
392	030439	VĂN LÊ DIỄM QUỲNH	Nữ	13/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
397	030446	LÝ HOÀNG SƠN	Nam	30/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
399	030448	BÙI THỊ ÁNH SƯƠNG	Nữ	16/04/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
401	030450	NGUYỄN NỮ MINH TÂM	Nữ	18/03/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
424	030474	PHẠM ĐỖ HIỀN THỰC	Nữ	18/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
440	030491	BÙI VÕ THU THƯƠNG	Nữ	28/08/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
446	030497	ĐẶNG THỊ MỸ TIỀN	Nữ	16/03/2010	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
451	030503	NGUYỄN NGỌC SONG TRÀ	Nữ	02/10/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	10A13	
454	030507	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	29/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
465	030520	ỪNG THỊ KIỀU TRÂM	Nữ	02/01/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
467	030522	BÙI THỊ THÙY TRINH	Nữ	20/03/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
469	030524	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	Nữ	08/07/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	

472	030528	BÙI ĐẶNG THANH TRÚC	Nữ	11/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
473	030529	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	Nữ	27/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
475	030531	LÊ THỊ LAM TRÚC	Nữ	25/03/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
507	030567	PHẠM HỮU VIỆT	Nam	30/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
514	030575	LÊ ĐỖ KHÁNH VY	Nữ	05/10/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	
517	030578	NGUYỄN PHAN TƯỜNG VY	Nữ	25/04/2011	Thành phố Đà Nẵng	10A13	
525	030586	HỒ THỊ NHƯ Ý	Nữ	30/08/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	10A13	

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Chiêu

A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9	A10
40	40	40	40	43	39	39	38	39	41

A11	A12	A13
42	43	48